

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CNSXT-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA CHỨNG NHẬN:

Tên cơ sở: **Nhà máy gia công, sang chai và đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.**
Địa chỉ: Lô CN 13, Khu B, KCN Bim Sơn, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
Điện thoại: 0904724589 E-mail:atdvietnamcompany@gmail.com

Tên đơn vị chủ quản: **Công ty Cổ phần Công nghệ ATD Việt Nam.**
Địa chỉ: Lô CN 13, Khu B, KCN Bim Sơn, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
Điện thoại: 0904724589 E-mail: atdvietnamcompany@gmail.com

ĐỦ ĐIỀU KIỆN:

1. Sản xuất thành phẩm thuốc bảo vệ thực vật từ thuốc kỹ thuật các dạng: EC, SC, SL, WP, WG, AB, RB (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).
 2. Đóng gói thuốc bảo vệ thực vật các dạng: EC, SC, SL, WP, WG, AB, RB.
- Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày 10 tháng 9 năm 2031.**

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Công ty Cổ phần Công nghệ ATD Việt Nam;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Văn Cường

PHỤ LỤC
DẠNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT
THUỐC THÀNH PHẨM TỪ THUỐC KỸ THUẬT

STT	Dạng thuốc	Các hoạt chất
1.	EC	Propargite
2.		Haloxypop-P-methyl
3.		Cypermethrin; Phoxim
4.		Lufenuron
5.		Oxyfluorfen; Pendimethalin
6.		Cypermethrin; Profenofos
7.		Amitraz
8.		Buprofezin; Isoprocarb
9.		Emamectin benzoate
10.	SC	Pyriproxyfen; Spirotetramat
11.		Imidacloprid
12.		Boscalid
13.		Methoxyfenozide
14.		Atrazine; Mesotrione
15.		Chlorfenapyr; Indoxacarb
16.		Difenoconazole; Pyraclostrobin
17.		Spirotetramat
18.		Tebufenozide
19.		Mesotrione
20.		Lufenuron
21.		Thifluzamide
22.		Spinosad
23.		Cyazofamid
24.		Bifenazate; Etoxazole
25.		Cyazofamid; Dimethomorph
26.		Pyraclostrobin
27.		Chlorfenapyr
28.		Thifluzamide
29.		Bifenthrin; Imidacloprid
30.		Hexaconazole; Isoprothiolane
31.	SL	Glufosinate ammonium
32.		Diquat dibromide
33.		Bentazone; MCPA
34.		Glufosinate ammonium
35.	WP	Dimethomorph
36.		Diphacinone
37.		Pirimicarb
38.		Chlorothalonil; Thiram
39.		Sulfur; Mancozeb
40.		Fenbutatin oxide

41.		Bromadiolone
42.		Diflubenzuron
43.	RB	Brodifacoum
44.		Bromadiolone
45.	AB	Bromadiolone
46.	WG	Metiram; Pyraclostrobin
47.		Nitenpyram; Pymetrozine
48.		Dimethomorph